

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong
Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc đã được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc ký chính thức ngày 05 tháng 5 năm 2015 tại Hà Nội, Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc.

Điều 1. Quy tắc xuất xứ Việt Nam - Hàn Quốc

Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục sau để hướng dẫn thực hiện Chương 3 Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Hiệp định VKFTA):

1. Quy tắc xuất xứ (Phụ lục I).
2. Quy tắc cụ thể mặt hàng (Phụ lục II).
3. Hướng dẫn thực hiện Điều 6 Phụ lục I (Phụ lục III).
4. Quy trình cấp và kiểm tra xuất xứ (Phụ lục IV).
5. Mẫu C/O VK do Việt Nam cấp (Phụ lục V).
6. Mẫu C/O KV do Hàn Quốc cấp (Phụ lục VI).
7. Mẫu Tờ khai bổ sung C/O (Phụ lục VII).
8. Hướng dẫn kê khai C/O (Phụ lục VIII); và
9. Danh mục các Tổ chức cấp C/O (Phụ lục IX).

Điều 2. Thủ tục cấp và kiểm tra C/O

Thủ tục cấp và kiểm tra C/O thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Bộ Công Thương).

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I
QUY TẮC XUẤT XỨ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2015/TT-BCT
ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định thực hiện
Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc)*

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Thông tư này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. **Nuôi trồng thủy sản** là việc nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước bao gồm cá, động vật thân mềm, loài giáp xác, động vật không xương sống dưới nước khác và thực vật thủy sinh từ các loại con giống như trứng, cá hồi hai năm tuổi, cá hồi nhỏ và ấu trùng bằng cách can thiệp vào các quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng nhằm thúc đẩy sinh sản như nuôi cấy, cho ăn, hoặc bảo vệ khỏi các động vật ăn thịt.

2. **CIF** là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cả cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu. Trị giá này được tính theo quy định tại Điều VII của Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) 1994 và Hiệp định về Trị giá Hải quan.

3. **Nước thành viên hay các nước thành viên** là “Bên” hoặc “các Bên” tham gia Hiệp định Thương mại Tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc, sau đây gọi là Việt Nam và Hàn Quốc.

4. **Người xuất khẩu** là thể nhân hoặc pháp nhân thường trú tại lãnh thổ của một nước thành viên, nơi hàng hóa được xuất khẩu bởi chính thể nhân hoặc pháp nhân đó.

5. **FOB** là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải từ nhà sản xuất đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến. Trị giá này được tính theo quy định tại Điều VII của Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) 1994 và Hiệp định về Trị giá Hải quan.

6. **Nguyên liệu hoặc hàng hóa giống nhau và có thể thay thế nhau** là nguyên liệu hoặc hàng hóa cùng loại có chất lượng như nhau, có cùng đặc tính vật lý và kỹ thuật, và một khi các nguyên liệu này được kết hợp lại để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể chỉ ra sự khác biệt về xuất xứ thông qua bất kỳ dấu hiệu nào v.v....

7. **Người nhập khẩu** là thể nhân hoặc pháp nhân thường trú tại lãnh thổ của một nước thành viên, nơi hàng hóa được nhập khẩu bởi chính thể nhân hoặc pháp nhân đó.

8. **Tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa** (sau đây gọi tắt là Tổ chức cấp C/O) là tổ chức có thẩm quyền do chính phủ của nước thành viên xuất khẩu chỉ định cấp C/O và được thông báo cho nước thành viên còn lại theo quy định tại Thông tư này.

9. **Nguyên liệu** bao gồm thành phần, nguyên liệu thô, phụ tùng, linh kiện và cụm lắp ráp được sử dụng trong quá trình sản xuất.

10. **Hàng hóa không có xuất xứ** là sản phẩm hoặc nguyên liệu không đáp ứng các tiêu chí xuất xứ quy định tại Thông tư này.

11. **Vật liệu đóng gói và bao gói để vận chuyển** là hàng hóa sử dụng để bảo vệ sản phẩm trong quá trình vận chuyển sản phẩm đó nhưng không phải là vật liệu đóng gói hoặc bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ.

12. **Nhà sản xuất** là cá nhân thực hiện việc sản xuất hàng hóa tại lãnh thổ của một nước thành viên.

13. **Quy tắc cụ thể mặt hàng** là quy tắc yêu cầu nguyên liệu phải trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa hoặc trải qua một công đoạn gia công cụ thể, hoặc đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực hay tiêu chí kết hợp của các tiêu chí vừa nêu; và

14. **Sản xuất** là các phương thức để thu được sản phẩm, bao gồm việc nuôi trồng, khai thác mỏ, thu hoạch, chăn nuôi, gây giống, chiết xuất, tập hợp, thu lượm, săn bắt, đánh bắt, đặt bẫy, săn bắn, chế tạo, gia công hoặc lắp ráp hàng hóa.

Điều 2. Tiêu chí xuất xứ

1. Trong phạm vi Hiệp định VKFTA, hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một nước thành viên được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan nếu hàng hóa đó đáp ứng một trong các quy định về xuất xứ dưới đây:

a) Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu như định nghĩa tại Điều 3 Phụ lục này;

b) Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu, nhưng đáp ứng quy định tại các Điều 4 hoặc 5 hoặc 6 hoặc 7 Phụ lục này; hoặc

c) Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu chỉ từ những nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam hoặc Hàn Quốc.

2. Ngoại trừ quy định tại Điều 7 Phụ lục này, điều kiện để hàng hóa đạt xuất xứ quy định tại Thông tư này là các công đoạn sản xuất hoặc chế biến phải được thực hiện liên tục tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu.

Điều 3. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 2 Phụ lục này, hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng được trồng và thu hoạch tại đó.
2. Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại đó.
3. Các sản phẩm chế biến từ động vật sống nêu tại khoản 2 Điều này.
4. Sản phẩm thu được từ săn bắn hoặc đặt bẫy tại vùng đất của nước thành viên đó, hoặc được đánh bắt hay nuôi trồng trong vùng nội thủy hoặc tại lãnh hải của nước thành viên đó.
5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển của nước thành viên đó.
6. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt bằng tàu được đăng ký tại một nước thành viên và được phép treo cờ của nước thành viên đó, và các sản phẩm khác do nước thành viên hoặc người của nước thành viên đó khai thác¹ từ nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của nước thành viên đó, với điều kiện nước thành viên đó có quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên tại vùng nước, đáy biển và dưới đáy biển đó theo luật quốc tế².
7. Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu đăng ký tại một nước thành viên và được phép treo cờ của nước thành viên đó, từ các sản phẩm được đề cập đến tại khoản 6 Điều này.
8. Sản phẩm được khai thác từ không gian vũ trụ với điều kiện phải do một nước thành viên hoặc một người của nước thành viên đó thực hiện.
9. Các vật phẩm thu được tại nước thành viên đó nhưng không thực hiện được những chức năng ban đầu hoặc không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể hủy bỏ hoặc dùng làm các nguyên liệu thô, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế.
10. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:
 - a) Quá trình sản xuất tại nước thành viên đó; hoặc
 - b) Sản phẩm đã qua sử dụng được thu nhặt tại nước thành viên đó, với điều kiện hàng hóa đó chỉ phù hợp dùng làm nguyên vật liệu thô; và
11. Hàng hóa thu được hoặc được sản xuất tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu đó từ các sản phẩm được đề cập đến từ khoản 1 đến khoản 10 Điều này.

Điều 4. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy

1. Trong phạm vi điểm b, khoản 1, Điều 2 Phụ lục này, hàng hóa có xuất xứ không thuần túy được coi là có xuất xứ nếu đáp ứng Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tại Phụ lục II.

¹ Các nước thành viên hiểu rằng để xác định xuất xứ sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm khác, “các quyền” nêu tại điểm này bao gồm các quyền được tiếp cận nguồn thủy sản của một quốc gia ven biển, phát sinh từ những hiệp định hoặc các thỏa thuận khác được ký kết giữa một nước thành viên và quốc gia ven biển đó ở cấp Chính phủ hoặc các tổ chức tư nhân được ủy quyền hợp lệ.

² “Luật quốc tế” nêu tại điểm này đề cập đến luật quốc tế đã được đa số các nước chấp nhận như *Công ước Liên hợp quốc về Luật biển*.